

BÁO CÁO

Tổng kết Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2020-2025

Thực hiện Kế hoạch số 536/KH-SGDĐT ngày 19/6/2025 của Sở GD&ĐT Quảng Ngãi về Tổng kết Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2020-2025 ban hành theo Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi,

Ủy ban nhân huyện Lý Sơn báo cáo kết quả thực hiện Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2020-2025, cụ thể như sau:

1. Kết quả tổ chức, triển khai, chỉ đạo, ban hành văn bản thực hiện Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi (Kế hoạch Đề án 750).

Ủy ban nhân huyện đã kịp thời triển khai, ban hành văn bản chỉ đạo ngành giáo dục thực hiện:

- Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục mầm non (GDMN) giai đoạn 2018 - 2025;

- Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân tỉnh Quảng Ngãi về việc Phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Lý Sơn về việc Phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn huyện;

2. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển giáo dục mầm non (PTGDMN)

2.1. Hiện trạng về quy mô trường lớp, csvc, đội ngũ; kết quả huy động trẻ em đến trường ở các độ tuổi.

2.2.1. Về hiện trạng quy mô trường lớp:

Tại thời điểm cuối năm học 2024-2025, trên toàn huyện là 03 trường mầm non công lập và 08 cơ sở nhà trẻ tư thực tại nhà (giảm 02 cơ sở tư thực so với đầu năm học 2020). Trong đó: Có 50 nhóm/lớp (trẻ nhà trẻ có 18 nhóm/lớp (công lập có 10 nhóm/lớp; tư thực có 08 nhóm/lớp); mẫu giáo có 32 lớp (kể cả 01 lớp ghép 3 độ tuổi An Bình).

2.2.2. Về hiện trạng cơ sở vật chất:

- Đối với các trường mầm non công lập:

+ Hiện có 49 phòng. Trong đó: 44 phòng sử dụng các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ đảm bảo mỗi nhóm, lớp/01 phòng học và 100% trẻ được học 2 buổi/ngày; 05 phòng bố trí thực hiện các hoạt động khác trong ngày của trẻ.

+ Có 03 phòng GD thể chất; 03 phòng GD âm nhạc; 03 khu Hành chính quản trị; 06 nhà bếp (đã hoạt động đủ 6 bếp).

+ Đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị dạy học: Đảm bảo đủ bàn ghế, tủ, kệ vạch giường... phục vụ cho trẻ học bán trú tại trường và tất cả trẻ học 2 buổi/ngày; Tại các điểm trường mầm non công lập đều có đồ chơi ngoài trời để trẻ vui chơi và hoạt động; Đảm bảo đồ dùng dạy học tối thiểu cho trẻ).

+ Hằng năm vào đầu năm học các trường đã chủ động mua sắm, bổ sung đồ dùng đồ chơi và có kế hoạch sửa chữa phòng, lớp, trang thiết bị, điện, nước, sơn vẽ tường và các đồ chơi ngoài trời để phục vụ tốt cho các hoạt động vui chơi của trẻ; vệ sinh trường lớp sạch sẽ; trang trí môi trường bên trong và bên ngoài đẹp, phù hợp với trẻ mầm non.

- Đối với 08 cơ sở trẻ tư thực tại nhà:

Có tổng số 08 nhóm/08 phòng, diện tích đảm bảo, có trang trí phòng học phù hợp, sạch sẽ, thông thoáng và có đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động.

2.2.3. Hiện trạng về đội ngũ CBQL, GV, NV và người lao động

- Đối với các trường mầm non công lập: Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên tại các trường mầm non trên địa bàn huyện đủ về số lượng, đáp ứng về chất lượng và thực hiện tốt chương trình giáo dục mầm non tại các trường. Cụ thể:

+ Cán bộ quản lý: có 09 người. Trong đó, có 03 Hiệu trưởng và 06 Phó Hiệu trưởng đạt trình độ trên chuẩn 100%.

+ Giáo viên: có 98 người (trong đó có 10 giáo viên tư thực), tỷ lệ giáo viên/lớp: $98/50 = 1,96\%$. Số giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên: 98/98 giáo viên, đạt tỷ lệ 100%.

+ Nhân viên: có 34 người. Trong đó, nhân viên biên chế 06 người (03 nhân viên Y tế trường học kiêm thủ quỹ; 03 kế toán kiêm văn thư); 23 nhân viên cấp dưỡng (02 hợp đồng theo ND 68; 21 hợp đồng ngắn hạn trong kinh phí của huyện cấp); 05 hợp đồng bảo vệ.

2.2.4. Kết quả huy động trẻ em đến trường ở các độ tuổi.

- Toàn huyện huy động trẻ ra lớp là 1.129 cháu (trong đó công lập có 1.084 cháu, tư thực có 45 cháu);

- Trẻ mẫu giáo 5 tuổi ra lớp đạt 100%.

2.2 So sánh kết quả đạt được với mục tiêu Kế hoạch Đề án 750

- Tăng tỷ lệ trẻ ra lớp và học bán trú so với những năm trước; 100% trẻ học bán trú tại trường. Duy trì kết quả đạt được, nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

- 100% các trường trên địa bàn huyện đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch

3.1. Thực hiện, ban hành cơ chế, chính sách phát triển giáo dục mầm non tại địa phương

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển GDMN, các văn bản liên quan UBND huyện đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Hằng năm, chỉ đạo các trường xây dựng kế hoạch phương án tài chính trình cấp thẩm quyền phê duyệt và phân bổ kinh phí về chế độ lương và hoạt động; lập danh sách trẻ mẫu giáo được hỗ trợ tiền ăn trưa; chi phí học tập... để thực hiện chi trả đầy đủ kịp thời chính sách đối với giáo viên mầm non và trẻ em đảm bảo theo quy định hiện hành.

3.2. Huy động nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục mầm non.

- Căn cứ vào nguồn ngân sách sự nghiệp giáo dục được các cấp phân bổ cho địa phương, UBND huyện đã phân bổ cho từng đơn vị và đó cũng là nguồn lực tài chính được ưu tiên chi cho hoạt động giáo dục; trong đó chi lương và các khoản phụ cấp cho CBQL, GV, NV, HĐLĐ đảm bảo theo quy định và kể cả chi hỗ trợ cho học sinh; bố trí kinh phí thực hiện sửa chữa cơ sở vật chất và các công trình phụ trợ khác, hay trang thiết bị, đồ dùng dạy học, phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ...

- Tổ chức huy động các nguồn lực xã hội hóa đầu tư về cơ sở vật chất, đồ dùng, thiết bị dạy học, đồ chơi ngoài trời cho các cơ sở GDMN đáp ứng đạt chuẩn cơ sở vật chất trường đạt chuẩn quốc gia.

3.3. Đổi mới công tác quản lý giáo dục mầm non.

- Vào các đầu năm học, UBND huyện đã triển khai, hướng dẫn, chỉ đạo kịp thời đến các cơ sở GDMN trong toàn huyện về tiếp tục đổi mới công tác quản lý. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục Mầm non đề xuất điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu đổi mới và thực tiễn địa phương.

- Thực hiện nghiêm túc đổi mới công tác đánh giá chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, chuẩn giáo viên Mầm non theo quy định; xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, cởi mở tạo điều kiện cho giáo viên phát huy khả năng sáng tạo trong tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Nâng cao hiệu quả cơ chế phối hợp công tác quản lý giáo dục Mầm non tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm giải trình những vấn đề liên quan đến GDMN theo phân cấp quản lý.

- Chỉ đạo các trường đổi mới công tác kiểm tra nội bộ, tăng cường công tác kiểm tra hoạt động chuyên môn, kiểm tra thường xuyên và đột xuất để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh hiện tượng vi phạm quy chế chuyên môn trong nhà trường nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ và việc thực hiện đúng chương trình giáo dục mầm non.

- Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và chăm sóc giáo dục trẻ. Thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý tài chính, quy chế dân chủ. Thực hiện ba công khai theo quy định, đảm bảo việc thu chi theo chỉ đạo cấp trên.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo thống kê chính xác kịp thời đúng quy định. Quản lý hồ sơ lưu trữ đảm bảo gọn gàng, đúng quy định tại Điều lệ trường Mầm non. Chỉ đạo đánh giá sự phát triển của trẻ theo đúng quy định của chương trình GDMN.

- Tăng cường thực hiện dân chủ trong quản lý và điều hành các hoạt động của cơ sở GDMN, đảm bảo phát huy quyền làm chủ của cán bộ viên chức và người lao động.

3.4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về giáo dục mầm non.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phối hợp giữa gia đình, nhà trường, cộng đồng; vận động con em trong độ tuổi ra lớp mầm non ra lớp đạt chỉ tiêu, tuyên truyền phổ biến kiến thức về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ cho các bậc cha mẹ; phối hợp giữa gia đình, nhà trường, huy động xã hội hóa cho giáo dục mầm non. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền và truyền thông về giáo dục mầm non trên thông tin đại chúng, ngày lễ hội, các buổi họp phụ huynh tại trường.

- Huy động sự đóng góp của nhân dân, kết hợp với chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa của nhà nước để tổ chức bữa ăn cho trẻ tại trường. Tuyên truyền đến các bậc cha mẹ trẻ về chế độ dinh dưỡng cân đối hợp lý giúp trẻ phát triển về thể chất; phối hợp với gia đình xây dựng chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý đối với trẻ suy dinh dưỡng và trẻ thừa cân, béo phì.

3.5. Đổi mới nội dung, chương trình giáo dục mầm non.

- Chỉ đạo tất cả các cơ sở GDMN trên địa bàn huyện tiếp tục triển khai và thực hiện chương trình GDMN theo Thông tư số 28/2018/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN theo Thông tư 17 (nay là Văn bản Hợp nhất số: 01/2021/VBHN-BGDĐT ngày 14/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình GDMN). Thực hiện tốt chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021- 2025 gắn với thực hiện chủ đề xây dựng trường mầm non xanh, sạch đẹp, an toàn và thân thiện. Qua đó chỉ đạo

xây dựng kế hoạch phát triển chương trình GD từng đơn vị phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, khả năng và nhu cầu thực tế của trường, lớp. Tăng cường làm đồ dùng, đồ chơi cần thiết để phục vụ các hoạt động của trẻ đạt hiệu quả. Đẩy mạnh thực hiện phương châm giáo dục “chơi mà học, học bằng chơi” trong các trường mầm non: đẩy mạnh việc tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ; Thực hiện lồng ghép giáo dục dinh dưỡng hợp lý và chế độ vận động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho trẻ trong trường mầm non.

- Đổi mới hoạt động chuyên môn trong nhà trường; đẩy mạnh đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN. Xây dựng kế hoạch chương trình phát triển của nhà trường phù hợp với điều kiện của địa phương. Tích hợp lồng ghép giáo dục các nội dung giáo dục kỹ năng sống; Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Chương trình tôi yêu Việt Nam vào Chương trình GDMN phù hợp với từng độ tuổi của trẻ. Từng bước áp dụng được kiến thức về giáo dục STEM/STEAM trong xây dựng kế hoạch, môi trường và tổ chức hoạt động cho trẻ ở trường mầm non, tổ chức cho trẻ em mẫu giáo làm quen với tin học qua phần mềm Kitmas.

3.6. Nâng cao chất lượng chăm sóc, sức khỏe và dinh dưỡng cho trẻ mầm non.

- Xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích trong trường theo Thông tư số 13/2010/TT-BGDĐT, nay là Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN; Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; Phòng, chống bạo lực học đường (Nghị định 80/2017/NĐ-CP); Xây dựng bộ quy tắc ứng xử theo quy định tại Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT; Thực hiện tốt công tác y tế trường học theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 15/2/2016 của Bộ y tế và Bộ GD quy định về công tác y tế trường học. Phối hợp với TTYT triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh cho trẻ. Triển khai, thực hiện nghiêm túc đưa các nội dung Chuyên đề “Đẩy mạnh phòng, chống bạo hành trẻ” vào kế hoạch nhiệm vụ năm học; lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại đơn vị theo quy định tại Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/05/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện hiệu quả bộ quy tắc ứng xử theo quy định; quản lý, tổ chức bữa ăn tại trường/lớp có chất lượng, đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm, bảo đảm cân đối, hợp lý về dinh dưỡng, đa dạng thực phẩm và phù hợp với cá nhân trẻ.

- 100% trẻ được được tổ chức bán trú tại trường, tất cả trẻ đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần; Chỉ đạo cho nhân viên Y tế phối hợp với giáo viên chủ nhiệm cân, đo chắm biểu đồ hằng quý cho trẻ, lập kế hoạch chăm sóc cụ thể cho những trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì. Xây dựng kế hoạch phối hợp với TTYTQDY huyện để tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho học sinh, kịp thời phát hiện những trẻ ốm đau để điều trị kịp thời nhằm nâng cao sức khỏe cho trẻ.

3.7. Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non.

- Thực hiện tốt công tác bán trú. Huy động trẻ 5 tuổi trên địa bàn huyện ra lớp 100%. Triển khai và thực hiện có hiệu quả Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi.

- Thường xuyên rà soát, hằng năm xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu cho các nhóm, lớp; phân loại đồ dùng đồ chơi, bảo quản tốt đồ dùng trang thiết bị, không mua chồng chéo; Chỉ đạo cho giáo viên làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo từ nguyên vật liệu sẵn có phù hợp với văn hóa địa phương, gắn với cuộc sống của trẻ; đảm bảo an toàn, đẹp phù hợp với trẻ trong trường mầm non.

3.8. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục mầm non.

- Triển khai thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo. Nâng cao đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, tình yêu thương và trách nhiệm bảo vệ trẻ của đội ngũ GVMN. Xây dựng kế hoạch học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh (Chỉ thị số 05-CT/TW và Chỉ thị số 27-CT/TTg; Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW)); thực hiện hiệu quả bộ quy tắc ứng xử trong các cơ sở giáo dục mầm non (Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019). Tham mưu bổ sung đội ngũ CBQL, GV, NV đủ về số lượng theo Thông tư 06/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV ngày 16/3/2015 của BGDĐT; Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập (Thông tư 19/2023 thay Thông tư 06/2015).

- Hằng năm xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2020-2025. Bồi dưỡng giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo quy định tại Luật Giáo dục năm 2019. Xây dựng Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên mầm non theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên theo Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên.

3.9. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục mầm non.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm của CB, GV, NV trong công tác tuyên truyền, tạo điều kiện cho các thành viên trong nhà trường phát huy hết khả năng sáng tạo trong mọi hoạt động và giữ vững được uy tín nhà trường. Tạo hành lang pháp lý, để khuyến khích và thu hút nguồn lực xã hội cho phát triển GDMN.

- Nhận thức của Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, lớp cũng nâng lên từng bước. Qua đó đã đóng góp ủng hộ vật chất, đồ dùng, đồ chơi cho trẻ ...góp phần trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

4. Ưu điểm

- Trên cơ sở Kế hoạch đề án 750, UBND huyện đã kịp thời triển khai, lãnh đạo chỉ đạo trong toàn ngành giáo dục huyện triển khai thực hiện đạt được những nhiệm vụ của về Phát triển giáo dục Mầm non; thực hiện tốt công tác tuyên truyền trong Nhân dân nên được sự đồng thuận và quan tâm của Nhân dân, các bậc cha mẹ học sinh trong hỗ trợ, chăm lo tốt hơn cho sự nghiệp giáo dục mầm non.

- Tập trung chỉ đạo, ưu tiên bố trí quỹ đất; đã kết hợp các nguồn lực đầu tư xây dựng CSVC, trang thiết bị trường, lớp học theo hướng kiên cố và đạt chuẩn, gắn với việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; củng cố, mở rộng mạng lưới trường, lớp cho cấp học mầm non, đến nay đã có 03 trường mầm non tại huyện; quan tâm đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, đầu tư chất lượng đã tạo điều kiện thuận lợi cho GDMN phát triển.

- Sự nỗ lực của các cơ sở GDMN và sự phấn đấu từ sự nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ CBQL, GV trong việc mở rộng quy mô và xây dựng các nhân tố bền vững để nâng cao chất lượng đã góp phần quan trọng trong việc thu hút trẻ đến trường và phát triển GDMN.

- Triển khai thực hiện các chế độ, chính sách kịp thời cho giáo viên, học sinh mẫu giáo thuộc xã đảo khó khăn, động viên giáo viên, tạo điều kiện cho trẻ mẫu giáo đến trường.

5. Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân

5.1. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình phát triển GDMN tại trường

Tuy được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền các cấp, của ngành nhưng không tránh khỏi những khó khăn:

- Cơ sở vật chất tuy được đầu tư, trường lớp xây dựng khang trang, đồ dùng, đồ chơi nhà trường luôn mua sắm bổ sung, khắc phục sửa chữa hằng năm; nhưng do tác độ cử thời tiết vùng biển, thường xuyên chịu tác động của gió bão nên cơ sở vật chất, thiết bị nhanh xuống cấp và hư hỏng.

- Có trường nhiều điểm trường lẻ nên việc tổ chức thực hiện các hoạt động trang trí "Xây dựng môi trường bên ngoài còn gặp khó khăn.

- Các điểm trường gần đường giao thông, diện tích lề đường chật hẹp, nên thực hiện mô hình "Cổng trường an toàn giao thông" gặp khó khăn.

5.2. Nguyên nhân

- Do điều kiện thời tiết vùng biển, ảnh hưởng của nước biển và thời tiết cực đoan (bão gió) của đảo nên thiết bị ngoài trời nhanh hư, xuống cấp.

- Các điểm trường nằm gần các tuyến đường giao thông, diện tích vỉa hè hẹp, không đủ diện tích cho phụ huynh đỗ xe khi đưa đón, gây khó khăn trong việc triển khai mô hình “Công trường an toàn giao thông”.

5.3. Giải pháp đã thực hiện để nâng cao tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ, mẫu giáo

- Tích cực truyền thông, quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của Bộ về đổi mới và phát triển GDMN. Thực hiện hiệu quả các chủ trương định hướng nhiệm vụ giải pháp về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư và Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” và Nghị quyết Đại hội đại biểu các cấp; Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 12/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Đẩy mạnh quy hoạch, rà soát, sắp xếp, phát triển trường lớp mầm non đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ. Đến năm 2030; đầu tư Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại, sử dụng các nguồn kinh phí tăng cường trang thiết bị dạy học, thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng và sử dụng có hiệu quả; tăng cường ứng dụng CNTT trong dạy học, bổ sung bộ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu và bộ đồ chơi ngoài trời. Công tác xã hội hóa giáo dục, huy động sự tham gia đóng góp nguồn lực của tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư cơ sở vật chất cho nhà trường dưới mọi hình thức theo quy định pháp luật, nhằm phát triển giáo dục nhà trường theo hướng phát triển của địa phương. Đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn, duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTNT, quản lý tốt công tác bán trú. Tiếp tục huy động trẻ 5 tuổi trên địa bàn huyện ra lớp 100%. Triển khai và thực hiện có hiệu quả Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo (3 đến 5 tuổi).

- Tiếp tục Thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP; thực hiện chính sách cho trẻ em và đội ngũ đảm bảo kịp thời theo quy định; Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách; Tiếp tục triển khai Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 về đẩy mạnh việc chuyển đổi số trong GDMN, tăng cường cải cách hành chính, ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, chăm sóc, giáo dục trẻ, công khai chất lượng giáo dục. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý về GDMN; tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng công tác quản trị, tăng cường nề

nếp, kỷ cương, chất lượng và hiệu quả trong nhà trường; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi.

- Đổi mới hoạt động chuyên môn trong nhà trường; đẩy mạnh đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN. Xây dựng kế hoạch chương trình phát triển của nhà trường phù hợp với điều kiện của địa phương. Vận dụng các phương pháp GDMN tiên tiến của các trường mầm non trong nước và thế giới phù hợp với thực tiễn địa phương; áp dụng được kiến thức về giáo dục STEM/STEAM trong xây dựng kế hoạch, môi trường và tổ chức hoạt động cho trẻ ở trường mầm non, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, đáp ứng với yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế. Tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học để nâng cao năng lực cho giáo viên, giúp giáo viên áp dụng linh hoạt các phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, lồng ghép STEAM, tăng tính hấp dẫn trong các hoạt động.

- Tiếp tục kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện Thực hiện nghiêm túc Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN; kịp thời phát hiện các nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ và chỉ đạo các biện pháp thực hiện.

- Thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDMN trong bối cảnh của địa phương. Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, giảm tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân và thấp còi dưới 4%, hạn chế trẻ thừa cân, béo phì. Trẻ không bị tai nạn thương tích về thể chất lẫn tinh thần. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chăm sóc, giáo dục trẻ. Nâng cao chất lượng giáo dục, tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần đạt 97% trở lên, trẻ 5-6 tuổi hoàn thành chương trình đạt 100%.

- Tổ chức đánh giá cán bộ, viên chức và tự đánh giá hiệu trưởng, giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp đúng quy định và công bằng, khách quan. Khắc phục hạn chế, để đảm bảo giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia cho những năm tiếp theo.

6. Đề xuất, kiến nghị: Không.

Trên đây là báo cáo Tổng kết Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2020-2025 của UBND huyện Lý Sơn để Sở GDĐT có cơ sở tổng hợp. /

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo (báo cáo);
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- VPH: CVP, PCVP, CV;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Đình Mẫn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 2

Tổng hợp quy mô phát triển giáo dục mầm non của huyện Lý Sơn

(Kèm theo Báo cáo số 319 /BC-UBND ngày 30 /6/2025 của UBND huyện Lý Sơn)

TT	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị tính	NĂM HỌC				
			2018-2019	2020-2021		2024-2025	
				Tổng số	Tăng/giảm (2020-2018)	Tổng số	Tăng/giảm (2025-2018)
1	Trường mầm non	Trường	3	3	0	3	0
	Chia ra						
	- Công lập	Trường	3	3	0	3	0
	- Dân lập, tư thực	Trường					
2	Cơ sở GDMN độc lập	Đơn vị	0	9	9	8	8
3	Tỷ lệ huy động trẻ em	%					
a)	Nhà trẻ						
	- Dân số	Trẻ	698	803	105	456	-242
	- Số trẻ huy động	"	219	376	34	270	24
	- Tỷ lệ huy động	%	31	47	32	59	-10
b)	Mẫu giáo						
	- Dân số	Trẻ	1317	1315	-2	867	-450
	- Số trẻ huy động	"	1019	1044	25	843	-177
	- Tỷ lệ huy động	%	77	79		97	
4	Tỷ lệ trẻ em học 2 buổi/ngày	%					
	- Nhà trẻ	%	90	90	0	100	
	- Mẫu giáo	%	90	100	0	100	0
5	Tỷ lệ trẻ em được tổ chức ăn bán trú	%					
	- Nhà trẻ	%	90	100	10,0	100	10,0
	- Mẫu giáo	%	90	90	0,0	100	10,0
6	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng	%	12,7	10,7	-2,0	9,2	-3,5
	- Nhà trẻ	%	12,3	13,0	0,7	7,0	-5,3
	+ Nhẹ cân	%	3,2	3,7	0,5	1,9	-1,3
	+ Thấp còi	%	8,2	6,1	-2,1	4,1	-4,1
	+ Béo phì	%	0,9	3,2	2,3	1,1	0,2

	- Mẫu giáo	%	12,8	14,2	1,4	9,8	-2,9
	+ Nhẹ cân	%	2,2	3,4	1,3	3,0	0,8
	+ Thấp còi	%	3,5	4,9	1,4	3,0	-0,6
	+ Béo phì	%	7,1	5,7	-1,4	3,9	-3,2
7	Đội ngũ	Người	82	103	21,0	142	60,0
a)	Giáo viên	Người	53	77	24,0	98	45,0
	- Bình quân GV/lớp	Người	1,51	1,54	0,0	1,96	0,4
	- Tỷ lệ GV đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	%	100	95		100	
	- Tỷ lệ GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo	%	95	95		59	
	- Số GV thiếu theo định mức	Người	15	12		1	
	học	Người	11	0		0	
b)	CBQL	Người	8	8		6	
	- Số CBQL thiếu	Người	1	1		0	
c)	Nhân viên	Người	20	18		35	
	- Số Nhân viên thiếu	Người	0	0		0	
8	Cơ sở vật chất		0	0		0	
a)	- Số phòng học	Phòng	43	44	1	44	1
	- Tỷ lệ phòng học kiên cố	%	93	93		100	
	- Tỷ lệ phòng học bán kiên cố	%	7,0	93		100	
b)	- Số phòng học tạm	Phòng	0	0		0	
c)	- Số phòng học nhờ/mượn	Phòng	0	0		0	
9	Đầu tư CSVC		0	0		0	
a)	- Số phòng học xây mới	Phòng	12	0		3	
b)	- Số phòng đa năng xây mới	Phòng	0	1		0	
c)	- Số phòng GD thể chất, nghệ thuật xây mới	Phòng	0	2		0	
d)	- Số phòng tổ chức ăn xây mới	Phòng	1	0		0	
đ)	- Số bộ thiết bị dạy học tối thiểu được bổ sung	Bộ	11	16	4	16	4
e)	- Số bộ đồ chơi ngoài trời được bổ sung	Bộ	6	8	2	12	6
10	Kinh phí đầu tư cho GDMN	Tỷ đồng	22.127	9.741		17.573	
a)	- Nguồn kinh phí NSNN	Tỷ đồng	11.973	9.345		16.787	
b)	- Chương trình MTQG	Tỷ đồng	0	0		0	
c)	- Nguồn kinh phí XHH và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tỷ đồng	10.154	0,396		0,786	